ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 51 /2026/QĐ-UBND	*Hưng Yên, ngày 29 tháng 9 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH

Quy định danh mục các khoản thu, mức thu, cơ chế quản lý thu, chi dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục trong các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Hưng Yên từ năm học 2026-2027

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 123/2025/QH15;

Căn cứ Luật Giá số 16/2023/QH15, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 140/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 24/2021/NĐ-CP của Chính phủ quy định việc quản lý trong cơ sở giáo dục mầm non và cơ sở giáo dục phổ thông công lập;

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 111/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 142/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương hai cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Nghị định số 238/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định về chính sách học phí, miễn, giảm, hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập và giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Căn cứ Nghị định số 66/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giáo dục;

Căn cứ Thông tư số 29/2024/TT-BGDĐT của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về dạy thêm, học thêm;

Căn cứ Thông tư số 19/2026/TT-BGDĐT của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 29/2024/TT-BGDĐT của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo tại Tờ trình số 182/TTr-SGDĐT ngày 08/9/2026;

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định danh mục các khoản thu, mức thu, cơ chế quản lý thu, chi dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục trong các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Hưng Yên từ năm học 2026-2027.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quyết định này quy định các khoản thu, mức thu, cơ chế quản lý thu, chi dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục trong các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Hưng Yên từ năm học 2026-2027 theo quy định tại điểm c khoản 4 Điều 99 Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 123/2025/QH15 và quy định tại điểm b khoản 3 Điều 4 Nghị định số 238/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 4 Điều 13 Nghị định số 66/2026/NĐ-CP.

2. Quyết định này không điều chỉnh đối với cơ sở giáo dục công lập tự chủ về chi thường xuyên và chi đầu tư.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Trẻ em học tại các trường mầm non; học sinh học tại các trường phổ thông, các trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên công lập (sau đây gọi là cơ sở giáo dục công lập) trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

2. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 3. Danh mục các khoản thu, mức thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục trong cơ sở giáo dục công lập

1. Các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục có quy định mức trần, cụ thể như sau:

TT	Các khoản thu	Đơn vị tính	**Mức trần** (ĐVT: Đồng)				
			Trẻ em mầm non	Học sinh tiểu học	Học sinh trung học cơ sở	Học sinh trung học phổ thông	Học sinh học tại Trung tâm GDNN-GDTX
1	Dịch vụ trông giữ, chăm sóc trẻ em ngày thứ Bảy, trong hè (cha, mẹ hoặc người đại diện của trẻ em có nhu cầu)	đồng/trẻ em/ngày	35.000	Không	Không	Không	Không
2	Dịch vụ trông giữ, chăm sóc trẻ em, học sinh ngoài giờ (cha, mẹ hoặc người đại diện của trẻ em có nhu cầu)	đồng/trẻ em/giờ	10.000	10.000	Không	Không	Không
3	Làm quen với tiếng Anh (đối với trẻ em trong độ tuổi Mẫu giáo khi cha mẹ trẻ hoặc người đại diện của trẻ em có nhu cầu)						
3.1	100% giáo viên là người Việt Nam	đồng/trẻ em/hoạt động	10.000	Không	Không	Không	Không
3.2	50% giáo viên là người Việt Nam, 50% giáo viên là người nước ngoài	đồng/trẻ em/hoạt động	25.000	Không	Không	Không	Không

4	Hoạt động giáo dục Ngoại ngữ cho học sinh lớp 1, lớp 2 (áp dụng đối với môn ngoại ngữ tự chọn và học sinh có nhu cầu)	đồng/học sinh/tháng	Không	40.000	Không	Không	Không
5	Nước uống	đồng/trẻ em, học sinh/tháng	14.000	14.000	14.000	14.000	14.000
6	Trông giữ xe cho học sinh (Học sinh có nhu cầu và loại xe phù hợp với lứa tuổi theo quy định của pháp luật)	đồng/học sinh/tháng	Không	(Học sinh lớp 4, lớp 5) xe đạp: 10.000	Xe đạp: 10.000; xe đạp điện 15.000	Xe đạp: 10.000; xe đạp điện, xe máy: 15.000	Xe đạp: 10.000; xe đạp điện, xe máy: 15.000

2. Các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục không quy định mức trần, cụ thể như sau:

a) Các khoản thu, chi dịch vụ ăn uống, bán trú;

b) Dịch vụ đưa đón người học;

c) Tiền điện sử dụng điều hòa;

d) Dịch vụ giáo dục hướng nghiệp, hoạt động trải nghiệm hướng nghiệp (hoạt động ngoại khóa);

đ) Hoạt động giáo dục tiếng Anh tăng cường ở trường phổ thông; Ngoại ngữ 2 ở trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông;

e) Dịch vụ bồi dưỡng về văn hóa, nghệ thuật, thể thao; hoạt động giáo dục kỹ năng sống; hoạt động giáo dục STEM/STEAM; giáo dục năng lực số, trí tuệ nhân tạo (AI) thực hiện đối với học sinh tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông.

Điều 4. Cơ chế quản lý thu, chi đối với các dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục đối với cơ sở giáo dục công lập

1. Cơ chế thu

a) Các cơ sở giáo dục công lập trên cơ sở hướng dẫn của các cấp có thẩm quyền được thỏa thuận với cha, mẹ hoặc người đại diện của trẻ em, học sinh để thực hiện các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục theo danh mục tại Điều 3 Quyết định này nhưng phải đảm bảm nguyên tắc công khai, minh bạch, đúng mục đích, phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội, thu nhập trên từng địa bàn. Mức thu căn cứ trên cơ sở dự toán chi phí, nội dung chi và phải được thỏa thuận bằng văn bản với cha mẹ học sinh trên tinh thần tự nguyện.

b) Các khoản thu được thực hiện định kỳ hằng tháng. Các khoản thu tại khoản 1 Điều 3 và điểm b, c, d, đ, e khoản 2 Điều 3 Quyết định này thu tối đa 9 tháng/năm học; khoản thu tại điểm a khoản 2 Điều 3 Quyết định này đối với cơ sở giáo dục mầm non thu theo số tháng thực học, đối với cơ sở giáo dục phổ thông thu tối đa 9 tháng/năm học.

c) Trường hợp xảy ra tình trạng khẩn cấp theo quy định của pháp luật, cơ sở giáo dục công lập không tiếp tục thực hiện được dịch vụ thì phải hoàn trả số tiền đã thu nhưng chưa thực hiện dịch vụ.

2. Quản lý thu, chi

a) Quản lý, sử dụng các khoản thu, chi phải đảm bảo đúng quy định của pháp luật, đúng mục đích, tiết kiệm, hiệu quả; thực hiện yêu cầu về thanh tra, kiểm tra của cơ quan có thẩm quyền và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của các thông tin, tài liệu cung cấp.

b) Các nội dung thu, chi; việc quản lý, sử dụng các khoản thu phải đảm bảo công khai, minh bạch, dân chủ, thỏa thuận, tự nguyện, phù hợp, thống nhất, thu đủ chi.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Giao Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Ủy ban nhân dân các xã, phường, các cơ quan, đơn vị liên quan hướng dẫn tổ chức triển khai thực hiện Quyết định này; kiểm tra, giám sát việc thực hiện Quyết định đảm bảo đúng quy định pháp luật; tổ chức rà soát, đánh giá việc thực hiện, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh điều chỉnh cho phù hợp với chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và điều kiện thực tế, bảo đảm hợp lý, tiết kiệm đối với các khoản thu của người học.

2. Ủy ban nhân dân các xã, phường chịu trách nhiệm tổ chức kiểm tra việc thực hiện các quy định về thu, chi, công khai, minh bạch thu, chi theo Quyết định này và quy định pháp luật có liên quan trên địa bàn theo phân cấp quản lý.

Điều 6. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 09 tháng 10 năm 2026.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Giáo dục và Đào tạo, Tài chính; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường; Thủ trưởng các đơn vị và cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 6;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Đảng ủy UBND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành tỉnh;
- Báo và PTTH Hưng Yên;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp (CSDLQG về pháp luật);
- Trung tâm Thông tin-Hội nghị tỉnh;
- UBND xã, phường;
- Lưu: VT, KGVX.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN

Phạm Văn Nghiêm